

BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM 2011 - 2012 - LẦN CUỐI
(Lấy kết quả điểm thi lần cuối)

Lớp học: Quản trị kinh doanh 4 - K12

Ngành: Quản trị kinh doanh

Hệ ĐT: Cao đẳng chính quy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Nguyên lý kế toán	Thuế	Thương mại điện tử	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thi trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng công sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh									ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				3	3	4	3	3	4	3	2	4	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3									59				
1	08109A0156	Lê Anh	Khôi	6	8	6	6	5	5	6	6	6	9	5	7	5	7	7	9	5	8	5									6.04		1	2	TB Khá
2	1010090184	Phạm Xuân Thủy	Tiên	6	7	6	7	6	6	8	7	5	6	8	7	6	6	5	5	5	8	5									6.14				TB Khá
3	1010090185	Ngô Thị Trúc	Tiên	7	9	7	7	6	6	8	8	6	5	8	6	8	8	7	5	8	8	6									6.84				TB Khá
4	1010090187	Trương Thị Ngọc	Tím	6	10	6	9	7	9	9	7	6	8	8	9	8	8	8	7	8	8	6									7.54				Khá
5	1010090188	Đình Huy	Tín	5	8	6	7	6	6	8	7	9	6	7	8	5	6	6	5	6	10	5									6.50				TB Khá
6	1010090189	Đình Hữu Phương	Toàn	6	9	8	7	7	9	9	7	6	5	8	6	7	8	7	5	8	7	6									6.97				TB Khá
7	1010090191	Hồ Thị	Trâm	6	6	6	5	6	7	6	7	6	5	5	5	6	8	7	7	5	6	6									5.99				TB
8	1010090192	Trần Thị Thùy	Trâm	6	5	6	8	6	4	6	7	8	5	8	6	7	8	6	7	6	6	5									6.22		1	4	TB Khá
9	1010090195	Lê Hồng Bảo	Trân	6	9	7	7	6	4	7	5	5	7	8	6	6	7	6	5	6	7	6									6.21		1	4	TB Khá
10	1010090196	Nguyễn Thị Huyền	Trang	5	9	5	6	6	9	5	7	6	6	9	8	7	6	6	8	6	9	6									6.66				TB Khá
11	1010090197	Nguyễn Ngọc	Trang	7	10	7	7	7	9	9	9	6	10	7	7	6	8	7	7	5	8	6									7.10				Khá
12	1010090199	Trần Thị Thuỳ	Trang	6	9	6	6	6	9	6	6	6	6	9	5	8	6	7	7	8	5	6									6.48				TB Khá
13	1010090200	Trần Thị Thùy	Trang	6	10	7	7	8	9	7	8	6	8	8	9	9	7	8	9	6	10	5									7.53				Khá
14	1010090201	Bùi Thị Cẩm	Trang	7	9	5	7	7	8	6	7	8	8	8	8	6	8	7	7	6	10	6									7.07				Khá
15	1010090202	Nguyễn Thị Huyền	Trang	6	9	8	6	7	8	6	7	6	8	8	6	7	7	6	9	6	8	6									6.82				TB Khá
16	1010090203	Nguyễn Minh	Trí	7	9	6	5	7	7	8	7	7	7	7	5	6	7	5	8	6	6	5									6.37				TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Nguyên lý kế toán	Thuế	Thương mại điện tử	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thị trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng công sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh								ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KD	XL TBCHT
				3	3	4	3	3	4	3	2	4	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3								59				
17	1010090205	Lê Thị Tuyết	Trinh	6	9	5	7	7	7	9	7	6	6	8	9	6	6	8	7	6	7	5								6.82				TB Khá
18	1010090206	Giả Thị Mai	Trinh	7	8	6	7	6	9	8	7	6	9	8	8	8	6	7	6	7	6	7								6.77				TB Khá
19	1010090207	Phan Thị	Trọn	7	10	7	9	8	9	9	8	8	5	8	9	9	9	8	9	9	10	7								8.28				Giỏi
20	1010090208	Phạm Thị Thanh	Trúc	6	8	6	7	6	7	9	7	7	5	7	6	7	7	6	6	5	6	6								6.47				TB Khá
21	1010090209	Lưu Tử	Trung	6	10	6	5	6	7	8	6	7	5	6	5	6	7	6	7	6	5	6								6.34				TB Khá
22	1010090210	Lý Nguyễn Kiên	Trung	6	10	5	5	5	7	5	6	9	6	8	9	5	7	6	7	6	6	6								6.43				TB Khá
23	1010090211	Nguyễn Văn	Trường	6	9	5	5	7	7	7	7	6	8	5	8	7	6	6	6	5	6	6								6.18				TB Khá
24	1010090212	Hồ Thị	Tú	6	7	5	5	6	8	9	7	6	8	7	6	7	7	6	6	6	6	6								6.26				TB Khá
25	1010090213	Đỗ Thị Ngọc	Tú	6	6	5	5	6	5	9	6	6	5	8	6	7	8	6	7	6	8	5								6.26				TB Khá
26	1010090214	Huỳnh Thanh	Tú	6	10	6	6	6	9	9	8	8	5	7	7	6	8	7	7	7	8	5								7.08				Khá
27	1010090216	Nguyễn Tấn	Tuấn	8	8	5	6	7	5	8	7	7	6	7	7	7	6	6	7	6	7	6								6.42				TB Khá
28	1010090217	Nguyễn Ngọc Duy	Tuấn	7	9	6	6	7	9	9	6	6	5	8	7	5	8	5	9	5	8	6								6.76				TB Khá
29	1010090218	Nguyễn Thanh	Tùng	6	8	5	6	7	7	9	6	5	7	8	5	7	7	6	7	6	6	6								6.32				TB Khá
30	1010090220	Lê Hồng	Tươi	5	9	6	5	7	9	9	7	6	6	8	6	7	7	6	8	5	7	6								6.64				TB Khá
31	1010090221	Phan Thị Thanh	Tuyền	9	10	8	8	8	8	9	7	7	7	8	9	8	8	9	9	8	10	6								8.07				Giỏi
32	1010090223	Châu Thị Cẩm	Tuyệt	7	10	7	6	8	8	9	7	7	6	8	10	6	9	8	8	8	9	5								7.57				Khá
33	1010090224	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyệt	7	5	4	5	7	4	9	6	5	5	8	5	5	6	7	7	5	10	5								5.97		3	12	TB
34	1010090225	Vũ Thị Thu	Vân	6	9	7	7	5	10	9	8	6	8	6	7	7	7	6	7	6	10	6								6.99				TB Khá
35	1010090226	Ngô Bảo	Vân	5	9	5	6	7	5	8	7	7	5	8	7	7	8	6	6	7	8	5								6.50		1	4	TB Khá
36	1010090227	Hồ Diễm Bích	Vân	5	7	5	6	7	5	8	7	7	7	5	8	6	8	7	7	6	10	5								6.56				TB Khá
37	1010090228	Võ Toàn	Văn	6	6	5	5	7	5	8	6	8	6	6	5	6	7	7	7	6	10	6								6.44				TB Khá
38	1010090229	Nguyễn Thị Hà	Vi	7	6	6	6	7	7	9	7	6	5	7	5	7	7	5	10	6	9	5								6.60				TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Nguyên lý kế toán	Thuế	Thương mại điện tử	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thị trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng công sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh								ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KD	XL TBCHT
			3	3	4	3	3	4	3	2	4	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3												
39	1010090231	Nguyễn Quang Vinh	7	9	6	7	6	9	9	8	6	5	9	9	7	7	7	6	8	8	6								7.28				Khá
40	1010090232	Nguyễn Phạm Hoàng Vinh	7	9	6	6	7	8	8	7	6	6	8	6	8	8	7	6	6	8	6								6.84				TB Khá
41	1010090235	Trịnh Công Vũ	7	8	5	5	6	5	5	6	6	9	5	6	6	7	7	6	8	6	5								5.87		1	4	TB
42	1010090236	Nguyễn Ngọc Anh Vũ	7	9	7	6	5	5	9	6	5	5	8	3	2	7	6	4	3	0	0								5.03		6	18	TB
43	1010090237	Nguyễn Hoàng Vương	7	7	5	9	7	9	7	8	6	7	8	8	7	8	8	7	6	9	6								7.14				Khá
44	1010090238	Lưu Thị Hoàng Vy	7	9	7	7	6	7	9	7	5	8	8	6	7	8	8	7	7	9	6								7.04				Khá
45	1010090239	Nguyễn Thanh Vy	7	10	6	7	6	8	8	7	8	6	8	7	7	10	6	8	8	8	6								7.35				Khá
46	1010090240	Nguyễn Hữu Xuân	7	8	5	5	6	7	8	6	6	5	8	6	6	8	7	5	7	7	7								6.45				TB Khá
47	1010090241	Trần Thị Thanh Xuân	7	9	5	6	5	6	9	7	5	7	8	6	6	9	7	7	6	8	6								6.69				TB Khá
48	1010090242	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	6	8	6	8	6	9	9	8	6	7	9	9	8	7	9	8	8	10	6								7.58				Khá
49	1010090243	Ngô Thị Kim Ý	8	6	6	5	7	6	9	7	6	5	8	5	7	8	6	6	6	9	6								6.58				TB Khá
50	1010090244	Nguyễn Văn Yên	6	6	5	6	6	6	9	7	6	5	7	5	7	7	7	7	8	6	6								6.25				TB Khá
51	1010090245	Trần Thị Yến	5	7	5	5	6	4	6	7	6	7	8	5	6	7	6	6	6	6	5								5.65		1	4	TB
52	1010090246	Nguyễn Thị Cẩm Yến	7	7	5	5	6	6	7	7	5	8	6	7	5	6	5	5	8	6	5								5.84				TB
53	1010090247	Nguyễn Thị Bích Ngọc	6	8	5	6	6	6	9	6	6	6	8	5	8	8	9	7	8	8	6								6.81				TB Khá

Tổng danh sách này có:53 sinh viên

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00	TB Khá	34	64
Giỏi	2	3.77	Trung bình	6	11
Khá	11	20.75	Yếu kém		

Trưởng Phòng Đào Tạo

TP. Hồ Chí Minh, ngày/....../.....

Người lập bảng